

THÔNG BÁO TUYỂN SINH NĂM 2023
Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị An ninh phi truyền thống (MNS)
do ĐHQGHN cấp bằng

Được thành lập từ năm 1995, Trường Quản trị và Kinh doanh – HSB (tiền thân là Khoa Quản trị kinh doanh) là đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN). Trong 28 năm qua, HSB luôn là thương hiệu có uy tín với chương trình Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (HSB-MBA) và các chương trình đào tạo liên ngành mới (MET, MAC, HAT, MAS, MNS, MOTE, DMS) hiện đang được triển khai với sự hợp tác của các trường đại học hàng đầu trên Thế giới như: ĐH Queensland (Úc) xếp hạng 47 Thế giới năm 2018, ĐH Công lập New York (Mỹ), Trường Kinh doanh IPAG (Pháp)...

Phù hợp với Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Khoá XI về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, trong đó đã xác định những vấn đề an ninh mới (an ninh phi truyền thống) đang trở thành mối nguy cơ trực tiếp, thường xuyên tới an ninh quốc gia, an ninh cộng đồng và an ninh doanh nghiệp của Việt Nam. Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị An ninh phi truyền thống (*Master in Management of Non-traditional Security, MNS*) được triển khai nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu bức thiết trong việc nghiên cứu và đào tạo nhân lực cho lĩnh vực đào tạo có vai trò đặc biệt quan trọng này.

Sau 8 năm triển khai chương trình MNS, trước yêu cầu của việc đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy theo hướng “cá thể hoá” và “nhóm hoá”, HSB tiếp tục phát triển chương trình lên một tầm cao mới nhằm đào tạo ra các Thạc sĩ MNS có khả năng nghiên cứu và tác nghiệp chuyên sâu theo từng lĩnh vực an ninh phi truyền thống gồm: Chính sách và chiến lược an ninh phi truyền thống/ An ninh và Phát triển bền vững địa phương/ An ninh kinh tế và An ninh tài chính/ An ninh doanh nghiệp/ Rủi ro thị trường và điều tra thương mại/ An ninh thông tin và An ninh mạng/ An ninh con người và An ninh môi trường/ An ninh hàng không. Đây là một đổi mới sáng tạo có ý nghĩa quan trọng về học thuật và đáp ứng yêu cầu cấp bách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nhân lực – nhân tài trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống trong thực tiễn đa dạng của thế trận an ninh nhân dân, quốc phòng toàn dân, an ninh con người Việt Nam và an ninh của các doanh nghiệp Việt Nam

Căn cứ vào Quy chế đào tạo Thạc sĩ ban hành theo quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/10/2022; Quy chế tạm thời về công tác tuyển sinh Sau đại học ban hành theo quyết định số 1080/QĐ-ĐHQGHN ngày 20/04/2016; Hướng dẫn tuyển sinh Sau đại học năm 2023 số 556/HD-TSSĐH ngày 27/02/2023 và Quyết định số 576/QĐ-ĐHQGHN ngày 01/03/2023 của Giám đốc ĐHQGHN về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh năm 2023, HSB thông báo tuyển sinh Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị An ninh phi truyền thống (MNS) với các thông tin cụ thể như sau:

1. Thông tin tóm tắt về Chương trình đào tạo

- Tên Chương trình:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ Quản trị An ninh phi truyền thống

+ Tiếng Anh: Master in Management of Non-traditional Security (MNS)

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ định hướng nghiên cứu
- Đơn vị cấp bằng: Đại học Quốc gia Hà Nội
- Đơn vị đào tạo: Trường Quản trị và Kinh doanh (HSB)
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Chỉ tiêu tuyển sinh: 30 chỉ tiêu

3. Đối tượng dự tuyển

Đối tượng dự tuyển vào chương trình Thạc sĩ Quản trị An ninh phi truyền thống (MNS) là các thí sinh:

- Đáp ứng điều kiện tại mục 7 của thông báo này;
- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;
- Có đủ sức khỏe để học tập;
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn tại mục 4 của thông báo này.

4. Đăng ký dự tuyển và nộp hồ sơ

- Thí sinh truy cập trên Cổng thông tin Tuyển sinh Sau đại học - Đại học Quốc gia Hà Nội qua địa chỉ <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn **hoặc** đăng ký trực tiếp tại Văn phòng Quản trị các chương trình Sau đại học (POMO).

- Thời gian đăng ký:

- Đợt 1: 8h00 ngày 01/03/2023 đến 17h00 ngày 14/04/2023
- Đợt 2: 8h00 ngày 22/05/2023 đến 17h00 ngày 30/08/2023

- Thí sinh sau khi đăng ký trực tuyến hoặc trực tiếp phải nộp đầy đủ hồ sơ (theo quy định tại mục 11 của thông báo này) tại Văn phòng Quản trị các chương trình Sau đại học (POMO) trong thời gian đăng ký dự tuyển.

5. Thời gian xét tuyển dự kiến

- Đợt 1: 23/04, 06/05, 07/05, 13/05
- Đợt 2: 09/09, 10/09, 16/09, 17/09

6. Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo chính thức từ 18 đến 24 tháng và không được kéo dài quá 02 năm sau thời gian đào tạo chính thức;
- Thời gian học ngoài giờ hành chính.

7. Điều kiện dự tuyển

7.1. Điều kiện văn bằng

Thí sinh dự tuyển yêu cầu hạng tốt nghiệp bậc đại học đạt hạng Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.

- **Nhóm 1:** Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp: các nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị - Quản lý, Luật, An ninh và trật tự xã hội, Quân sự được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 03 học phần (*Các học phần bổ sung kiến thức được quy định tại Phụ lục 4 của thông báo này*);

- **Nhóm 2:** Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc lĩnh vực: Khoa học xã hội và hành vi, Khoa học sự sống, Toán và thống kê, Máy tính và công nghệ thông tin, Kỹ thuật, Công nghệ kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng, Sản xuất và chế biến, Nông - lâm nghiệp và thủy sản, Thú y, Môi trường và bảo vệ môi trường, Sức khỏe, Nhân văn, Báo chí và thông tin, Nghệ thuật, Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên được dự thi sau khi đã có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 04 học phần (*Các học phần bổ sung kiến thức được quy định tại Phụ lục 4 của thông báo này*).

Lưu ý:

+ Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

7.2. Điều kiện về kinh nghiệm công tác

Thí sinh dự tuyển phải có ít nhất 1 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực liên quan đến các hoạt động quản lý nhà nước, hành chính, an ninh, kinh tế - xã hội, kinh doanh, ngoại giao, hoặc các hoạt động liên quan tới an ninh phi truyền thống.

7.3. Điều kiện về ngoại ngữ

Người dự tuyển phải đạt yêu cầu về năng lực Tiếng Anh phù hợp với yêu cầu ngoại ngữ của chương trình đào tạo được chứng minh bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ Anh hoặc ngành sư phạm tiếng Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng tiếng Anh;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm với điều kiện thí sinh có sử dụng chứng chỉ tiếng Anh (đủ 4 kỹ năng) đạt Bậc 3 (hoặc tương đương) trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Phụ lục 2 và Phụ lục 3) để xét và công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (chứng chỉ ngoại ngữ gửi kèm hồ sơ đăng ký dự tuyển);

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi các cơ sở tổ chức thi chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận (Phụ lục 2 và Phụ lục 3).

8. Hình thức xét tuyển

8.1. Xét tuyển

Dựa trên đối tượng tuyển sinh mang tính đặc thù và chuyên ngành đào tạo liên ngành, HSB tổ chức xét tuyển theo phương thức mới và hiện đại thông qua: đánh giá hồ sơ, viết luận và phỏng vấn chuyên môn của thí sinh.

- Bước 1: Đánh giá hồ sơ

Hội đồng tuyển sinh đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển theo các yêu cầu của chương trình đào tạo và các quy định của ĐHQGHN. Thí sinh đáp ứng yêu cầu về hồ sơ theo quy định sẽ được thông báo về thời gian viết luận và phỏng vấn;

- **Bước 2:** Viết luận

Thí sinh được yêu cầu trình bày ý kiến, quan điểm về một vấn đề liên quan đến chương trình học trong thời gian 30 phút thông qua hình thức viết luận (*bằng tiếng Việt*);

- **Bước 3:** Phỏng vấn

Hội đồng phỏng vấn tiến hành phỏng vấn thí sinh (*bằng tiếng Việt*). Trong trường hợp bất khả kháng HSB có thể tổ chức phỏng vấn online (trong trường hợp dịch bệnh diễn biến phức tạp, tăng cường giãn cách xã hội, thiên tai...).

8.2. Thang điểm và tiêu chí đánh giá

- **Thang điểm đánh giá:** tối đa 100 điểm

- **Điểm tối thiểu để được xét tuyển:** 50/100 điểm trong đó điểm viết luận đạt tối thiểu 5/10 điểm

- **Các tiêu chí đánh giá cụ thể như sau:**

▪ **Năng lực học tập:** tối đa 30 điểm

Tiêu chí này đánh giá năng lực học tập của thí sinh thông qua kết quả học tập đã đạt được ở bậc Đại học. Việc đánh giá và cho điểm dựa trên hạng tốt nghiệp bậc Đại học hoặc điểm trung bình chung các học phần ở bậc đào tạo Đại học.

▪ **Năng lực ngoại ngữ:** tối đa 10 điểm

Tiêu chí này nhằm đánh giá năng lực sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) của thí sinh. Việc đánh giá và cho điểm dựa vào các chứng chỉ ngoại ngữ mà thí sinh cung cấp, bằng Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ của thí sinh.

▪ **Viết luận:** tối đa 10 điểm

Tiêu chí này nhằm đánh giá năng lực tư duy logic, khả năng trình bày và độ phù hợp của thí sinh với chương trình học.

▪ **Phỏng vấn:** tối đa 40 điểm

Tiêu chí này nhằm đánh giá động cơ, mục đích học tập của thí sinh; hiểu biết, kinh nghiệm thực tiễn của thí sinh về các vấn đề thuộc hoặc liên quan tới các chuyên ngành đào tạo mà thí sinh dự tuyển; khả năng giao tiếp, hiểu và diễn đạt vấn đề theo yêu cầu.

▪ **Thư giới thiệu (nếu có):** tối đa 10 điểm

Tiêu chí này nhằm đánh giá về phẩm chất và năng lực của thí sinh thông qua nhận xét của các cá nhân nhà khoa học và chuyên gia đã có thời gian tiếp xúc với thí sinh; thí sinh thuộc diện ưu tiên (nếu có).

8.3. Thời gian xét tuyển và thông báo kết quả

- Thời gian xét tuyển: Đợt 1: Trước 15/5/2023 và Đợt 2: Trước 18/09/2023

- Thời gian thông báo kết quả: Đợt 1: Trước 17/05/2023 và Đợt 2: Trước 27/09/2023

8.4. Thời gian nhập học và khai giảng

- Thời gian nhập học: Đợt 1: Trước 31/07/2023 và Đợt 2: Trước 30/11/2023

- Thời gian khai giảng (dự kiến): Đợt 1: Tháng 8/2023 và Đợt 2: Tháng 12/2023

9. Bổ sung kiến thức

- HSB tổ chức lớp học và cấp giấy chứng nhận kèm bảng điểm cho các thí sinh đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức (Phụ lục 4);

- Thời khóa biểu lớp Bổ sung kiến thức sẽ được thông báo chi tiết đến thí sinh đăng ký.

10. Kinh phí đào tạo

10.1 Học phí toàn khóa

- Học phí toàn khóa: **135,000,000 đồng/Khóa**

- Học phí được đóng thành các đợt theo qui định và sẽ được thông báo khi thí sinh trúng tuyển.

- Học viên xuất sắc có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội được xin cấp học bổng bán phần và toàn phần.

- Học phí đã bao gồm toàn bộ chi phí quản trị, chi phí đào tạo, in tập bài giảng và tài liệu, hội thảo, thực hành; chi phí sử dụng cơ sở vật chất, phòng học, điều hòa; dịch vụ teabreak...

- Học phí **KHÔNG** bao gồm: lệ phí dự tuyển đầu vào; lệ phí bảo lưu, gia hạn; lệ phí thi lại, học lại (nếu có); lệ phí học Bổ sung kiến thức (nếu có); lệ phí học và thi chứng chỉ tiếng Anh (nếu có).

10.2 Lệ phí đăng ký và xét tuyển năm 2023

- Lệ phí hồ sơ và đăng ký hồ sơ: 150.000 đồng/thí sinh

- Lệ phí phỏng vấn và xét tuyển: 1.000.000 đồng/thí sinh.

- Lệ phí học bổ sung kiến thức: Theo thông báo của Văn phòng Quản trị các chương trình Sau đại học (POMO) và Phòng Kế hoạch Tài chính HSB.

11. Hồ sơ đăng ký

A. Giấy tờ bắt buộc				
1.	Phiếu đăng ký dự tuyển (Theo mẫu)	:	01	Bản gốc
2.	Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú, thời hạn 6 tháng tính tới ngày dự tuyển	:	01	Bản gốc
3.	Giấy xác nhận sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp, thời hạn trong vòng 6 tháng tính đến ngày dự tuyển.	:	01	Bản gốc
4.	Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học <i>Lưu ý: Văn bằng đại học do sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành</i>	:	01	Bản sao
5.	Chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (Hoặc tương đương)	:	01	Bản sao
6.	Ảnh chân dung (màu) cỡ 4x6, chụp trong vòng 6 tháng	:	04	Ảnh
7.	QĐ tuyển dụng/ QĐ bổ nhiệm/ HĐLĐ dài hạn...	:	01	Bản sao

8.	Giấy xác nhận thời gian làm việc tối thiểu 1 năm liên tục của thủ trưởng cơ quan để chứng nhận kinh nghiệm công tác (theo mẫu)	:	01	Bản gốc
9.	Chứng nhận hoàn thành chương trình Bổ sung kiến thức theo chuyên ngành dự tuyển trong thời hạn 02 năm tính tới ngày dự tuyển	:	01	Bản sao
B. Giấy tờ khác				
10.	Thư giới thiệu của cơ quan/ tổ chức/ doanh nghiệp/ nhà khoa học/ nhà giáo (đối với thí sinh được cơ quan/ tổ chức cử đi học) (theo mẫu).	:	01	Bản gốc

12. Địa chỉ nộp hồ sơ

Trường Quản trị và Kinh doanh (HSB), Đại học Quốc gia Hà Nội
Văn phòng Quản trị các chương trình Sau đại học (POMO)

Địa chỉ: Tầng 2, nhà B1, số 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Hotline: 096.820.2244

Email: pomo@hsb.edu.vn

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Các đơn vị, cơ quan liên quan;
- Các đơn vị thuộc HSB;
- Lưu: VT, TS, ĐT, KH-TC.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. HOÀNG ĐÌNH PHI

PHỤ LỤC 1
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông báo số 104/TB-QT&KD, ngày 01 tháng 03 năm 2023)

STT	Mã học phần	Tên học phần (Ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ
I	Khối kiến thức chung		8
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4
2	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản <i>General English</i>	4
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		36
II.1	Các học phần bắt buộc		15
3	MNS6001	Quản trị chiến lược và kế hoạch <i>Management of Strategies & Plans</i>	3
4	MNS6002	Tổng quan về Quản trị An ninh <i>General Introduction on Security Management</i>	3
5	MNS6003	Tổng quan về Quản trị An ninh Phi truyền thống <i>General Introduction on Non-Traditional Security Management</i>	3
6	MNS6004	Khoa học, Công nghệ và An ninh <i>Science, Technology and Security</i>	3
7	MNS6005	Luật pháp, Xã hội và An ninh <i>Law, Society and Security</i>	3
II.2	Các học phần tự chọn		21/138
II.2.1	Chính sách và chiến lược An ninh phi truyền thống <i>Nontraditional Security Policy & Strategy</i>		21
8	MNS6021	Đánh giá chính sách và chiến lược an ninh phi truyền thống <i>Assessment of Nontraditional Security Policy & Strategy</i>	3
9	MNS6006	Kinh tế và an ninh môi trường <i>Economy & Environment Security</i>	3
10	MNS6017	Biến đổi khí hậu và an ninh toàn cầu <i>Climate Change & Global Security</i>	3
11	MNS6018	Văn hóa và an ninh <i>Culture and Security</i>	3
12	MNS6019	Giáo dục và an ninh <i>Education and Security</i>	3

STT	Mã học phần	Tên học phần (Ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ
13	MNS6007	Chuẩn bị ứng phó với tình huống khẩn cấp <i>Emergency Preparedness & Response</i>	3
14	MNS6020	Phương pháp NCKH và thiết kế đề tài NC <i>Research Methods and Design of Research Thesis</i>	3
II.2.2	An ninh và phát triển bền vững địa phương <i>Security and Sustainable Development of Region</i>		21
15	MNS6022	Trật tự, an toàn và an ninh địa phương <i>Order, Safety and Security of Region</i>	3
16	MNS6023	Xây dựng khả năng cạnh tranh bền vững của địa phương <i>Building the Sustainable Competitiveness of Region</i>	3
17	MNS6024	Phát triển bền vững nguồn nhân lực địa phương <i>Sustainable Development of Regional Human Resources</i>	3
18	MNS6025	Quản trị rủi ro các dự án đầu tư (công, tư, PPP) <i>Risk Management for Investment Projects</i>	3
19	MNS6026	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa địa phương <i>Preservation and Enhancement of Cultural Values and Heritage of Region</i>	3
20	MNS6027	Công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường địa phương <i>Technologies for Pollution Treatments in Region</i>	3
21	MNS6020	Phương pháp NCKH và thiết kế đề tài NC <i>Research Methods and Design of Research Thesis</i>	3
II.2.3	An ninh kinh tế và An ninh tài chính <i>Economic Security and Financial Security</i>		21
22	MNS6028	An ninh kinh tế quốc gia <i>National Economic Security</i>	3
23	MNS6029	An ninh tài chính quốc gia <i>National Financial Security</i>	3
24	MNS6030	Quản trị rủi ro và an ninh tài chính của ngân hàng và tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính <i>Risk Management and Security of Banks and Financial Service Providers</i>	3
25	MNS6010	An ninh tài chính của doanh nghiệp <i>Enterprise's Finance Security</i>	3
26	MNS6031	Điều tra gian lận kế toán và tài chính <i>Accounting & Financial Forensic</i>	3
27	MNS6032	Chiến lược quản trị rủi ro tài chính doanh nghiệp <i>Strategy for Enterprise's Financial Risks Management</i>	3
28	MNS6020	Phương pháp NCKH và thiết kế đề tài NC <i>Research Methods and Design of Research Thesis</i>	3

STT	Mã học phần	Tên học phần (Ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ
II.2.4	An ninh doanh nghiệp <i>Enterprise Security</i>		21
29	MNS6009	Quản trị rủi ro và an ninh doanh nghiệp <i>Management of Enterprise's Risk & Security</i>	3
30	MNS6010	An ninh tài chính của doanh nghiệp <i>Enterprise's Finance Security</i>	3
31	MNS6011	An ninh thương hiệu của doanh nghiệp <i>Enterprise's Brand Security</i>	3
32	MNS6033	An ninh con người của doanh nghiệp <i>Enterprise's Human Security</i>	3
33	MNS6008	Hệ thống thông tin và an ninh <i>Information Systems & Security</i>	3
34	MNS6034	Bảo hiểm và bảo vệ tài sản của doanh nghiệp <i>Insurance and Protection of Enterprise's Assets</i>	3
35	MNS6020	Phương pháp NCKH và thiết kế đề tài NC <i>Research Methods and Design of Research Thesis</i>	3
II.2.5	Rủi ro thị trường và điều tra thương mại <i>Market's risks and Commercial Forensic</i>		21
36	MNS6035	Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa <i>Competitiveness in Socialism-Oriented Market Economy</i>	3
37	MNS6036	Rủi ro của thị trường hàng hóa và dịch vụ <i>Risks of Goods Market and Service Market</i>	3
38	MNS6037	Luật thương mại của các nước phát triển <i>Commercial Law in Developed Countries</i>	3
39	MNS6038	Luật pháp Việt Nam về điều tra gian lận thương mại <i>Vietnam Laws on Commercial Fraud and Forensic</i>	3
40	MNS6039	Điều tra gian lận công nghiệp <i>Industrial Forensic</i>	3
41	MNS6040	Điều tra gian lận thương mại <i>Commercial Forensic</i>	3
42	MNS6020	Phương pháp NCKH và thiết kế đề tài NC <i>Research Methods and Design of Research Thesis</i>	3
II.2.6	An ninh thông tin và An ninh mạng <i>Information Security and Cyber Security</i>		21
43	MNS6008	Hệ thống thông tin và an ninh <i>Information Systems & Security</i>	3
44	MNS6041	Các quy định luật pháp về an ninh thông tin và an ninh mạng <i>Legal Regulations on Information Security and Cyber Security</i>	3

STT	Mã học phần	Tên học phần (Ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ
45	MNS6042	Quản trị an ninh thông tin <i>Management of Information Security</i>	3
46	MNS6043	Quản trị an ninh mạng <i>Management of Cyber Security</i>	3
47	MNS6044	Điều tra máy tính và an ninh mạng <i>Computer Forensic and Cyber Forensic</i>	3
48	MNS6045	Chiến tranh mạng <i>Cyber War</i>	3
49	MNS6020	Phương pháp NCKH và thiết kế đề tài NC <i>Research Methods and Design of Research Thesis</i>	3
II.2.7	An ninh con người và An ninh môi trường <i>Human Security and Environment Security</i>		21
50	MNS6012	An ninh lương thực <i>Food Security</i>	3
51	MNS6013	An ninh năng lượng <i>Energy Security</i>	3
52	MNS6014	An ninh con người <i>Human Security</i>	3
53	MNS6015	An ninh sức khỏe <i>Health Security</i>	3
54	MNS6016	An ninh nguồn nước <i>Water Security</i>	3
55	MNS6046	An ninh môi trường và điều tra môi trường <i>Environmental Security and Forensic</i>	3
56	MNS6020	Phương pháp NCKH và thiết kế đề tài NC <i>Research Methods and Design of Research Thesis</i>	3
II.2.8	An ninh hàng không <i>Aviation Security</i>		21
57	MNS6047	Luật pháp về an ninh hàng không <i>Aviation Security Laws</i>	3
58	MNS6048	An ninh vật lý của hàng không <i>Aviation Physical Security</i>	3
59	MNS6049	Yếu tố con người trong an ninh hàng không <i>Human Factor in Aviation Security</i>	3
60	MNS6050	Hoạt động đảm bảo an ninh của các sân bay và các hãng hàng không <i>Airport and Airlines Security Operations</i>	3
61	MNS6051	Dự báo rủi ro và quản trị rủi ro hàng không <i>Risk Forecast and Management of Aviation Risks</i>	3

STT	Mã học phần	Tên học phần (Ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ
62	MNS6007	Chuẩn bị ứng phó với tình huống khẩn cấp <i>Emergency Preparedness & Response</i>	3
63	MNS6020	Phương pháp NCKH và thiết kế đề tài NC <i>Research Methods and Design of Research Thesis</i>	3
III	HSB7002	Luận văn thạc sĩ <i>Thesis</i>	20
Tổng cộng			64

Lưu ý:

▪ Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

▪ Học viên phải nộp chứng chỉ Tiếng Anh bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương, theo Phụ lục 3) trước khi bảo vệ luận văn Thạc sĩ.

IG
V
AN

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ CẤP CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TRONG TUYỂN SINH THẠC SĨ
(Kèm theo Thông báo số 104/TB-QT&KD, ngày 01 tháng 03 năm 2023)

1. Chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ bậc 3, bậc 4

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận
1	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN
2	Trường ĐH Hà Nội
3	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế
4	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh
5	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng
6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
7	Đại học Bách khoa Hà Nội
8	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM
9	ĐH Thái Nguyên
10	Trường ĐH Cần Thơ
11	Trường Đại học Nam Cần Thơ
12	Trường ĐH Vinh
13	Học viện An ninh nhân dân
14	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
15	Trường Đại học Thương mại
16	Trường Đại học Ngoại thương
17	Học viện Khoa học quân sự
18	Học viện Cảnh sát nhân dân
19	Trường Đại học Quy Nhơn
20	Trường Đại học Tây Nguyên

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận
21	Trường Đại học Sài Gòn
22	Trường Đại học Văn Lang
23	Trường Đại học Trà Vinh
24	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
25	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM
26	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM
27	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM

Ghi chú:

▪ Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 05 năm 2020.

2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận		
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam
1	Educational Testing Service (ETS)		√	
2	British Council (BC)	√		
3	International Development Program (IDP)	√		
4	Cambridge ESOL	√		√

PHỤ LỤC 3
BẢNG THAM CHIẾU MỨC ĐIỂM TỐI THIỂU MỘT SỐ CHỨNG CHỈ
TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3, BẬC 4 THEO KHUNG NĂNG LỰC
NGOẠI NGỮ 6 BẬC DỪNG CHO VIỆT NAM

(Kèm theo Thông báo số 104/TB-QT&KD, ngày 01 tháng 03 năm 2023)

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	42 iBT	<ul style="list-style-type: none">- A2 Key: 140- B1 Preliminary: 140- B2 First: 140- B1 Business Preliminary: 140- B2 Business Vantage: 140	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	<ul style="list-style-type: none">- B1 Preliminary: 160- B2 First: 160- C1 Advanced: 160- B1 Business Preliminary: 160- B2 Business Preliminary: 160- C1 Business Higher: 160	VSTEP.3-5 (6.0)

PHỤ LỤC 4
DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO MNS

(Kèm theo Thông báo số 104/TB-QT&KD, ngày 01 tháng 03 năm 2023)

Nhóm đối tượng BSKT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Nhóm 1: Có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp: các nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị - Quản lý, Luật, An ninh và trật tự xã hội, Quân sự	Tổng quan về Phát triển bền vững	3	
	Hội nhập toàn cầu và an ninh	3	
	Hệ thống pháp luật Việt Nam về an toàn và an ninh	3	
	Tổng	9	
Nhóm 3: Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc lĩnh vực: Khoa học xã hội và hành vi, Khoa học sự sống, Toán và thống kê, Máy tính và công nghệ thông tin, Kỹ thuật, Công nghệ kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng, Sản xuất và chế biến, Nông – lâm nghiệp và thủy sản, Thú y, Môi trường và bảo vệ môi trường, Sức khỏe, Nhân văn, Báo chí và thông tin, Nghệ thuật, Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	Tổng quan về khoa học quản trị	3	
	Tổng quan về phát triển bền vững	3	
	Hội nhập toàn cầu và an ninh	3	
	Hệ thống pháp luật Việt Nam về an toàn và an ninh	3	
	Tổng	12	

